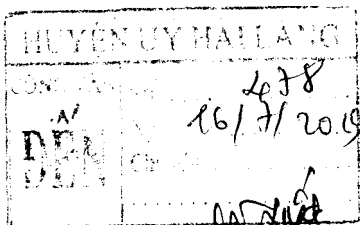


UBND TỈNH QUẢNG TRỊ
SỞ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 435 /SNV-XDCQ&CTTN
V/v lấy ý kiến tham gia về bố trí số lượng,
chức danh cán bộ, công chức cấp xã theo
quy định Nghị định số 34/2019/NĐ-CP

Quảng Trị, ngày 15 tháng 7 năm 2019



Kính gửi:

- UBMTTQVN tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- Các Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;

Thực hiện Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; để có cơ sở tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giao số lượng cán bộ, công chức cho các xã, phường, thị trấn thay thế Quyết định số 987/QĐ-UBND ngày 15/5/2017, Sở Nội vụ dự kiến các phương án bố trí số lượng cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn như sau:

1. Phương án 1: Bố trí số lượng cán bộ, công chức cấp xã theo phân loại đơn vị hành chính như sau:

1. Ở xã:

- Xã loại I: 23 người, trong đó:
+ Cán bộ 12 người, bố trí mỗi chức danh một người, riêng chức danh Phó Chủ tịch UBND xã bố trí 02 người theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

+ Công chức 11 người.

- Xã loại II: 21 người, trong đó:

+ Cán bộ 11 người, bố trí một chức danh một người.

+ Công chức 10 người.

- Xã loại III: 19 người, trong đó:

+ Cán bộ 11 người, bố trí mỗi chức danh một người.

+ Công chức 08 người.

* Trong tổng số công chức bố trí cho các xã loại I, loại II và loại III nói trên, nếu xã được bố trí Công an chính quy đảm nhận chức danh Trưởng Công an theo quy định của Luật Công an nhân dân thì số lượng công chức giảm 01 người.

2. Ở Phường, thị trấn:

- Phường, thị trấn loại I: 22 người, trong đó:

+ Cán bộ 12 người, bố trí mỗi chức danh một người, riêng chức danh Phó Chủ tịch UBND xã bố trí 02 người theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

BTC Huyện ủy Hải Lăng
Cho Đ. H. - NV
NV 20/7

+ Công chức 10 người (Giảm 01 người so với xã do bố trí Trưởng Công an chính quy).

- Phường, thị trấn loại II: 20 người, trong đó:

+ Cán bộ 11 người, bố trí mỗi chức danh một người.

+ Công chức 09 người (Giảm 01 người so với xã do bố trí Trưởng Công an chính quy).

- Phường, thị trấn loại III: 18 người, trong đó:

+ Cán bộ 11 người, bố trí mỗi chức danh một người.

+ Công chức 07 người (Giảm 01 người so với xã do bố trí Trưởng Công an chính quy).

(Có phụ lục chức danh cụ thể kèm theo).

I. Phương án 2: Bố trí số lượng cán bộ, công chức cấp xã theo phân loại đơn vị hành chính như sau:

1. Ở xã:

- Xã loại I: 23 người, trong đó:

+ Cán bộ 11 người, bố trí một người kiêm nhiệm chức danh Bí thư Đảng ủy – Chủ tịch HĐND hoặc Phó Bí thư Đảng ủy – Chủ tịch HĐND, các chức danh còn lại mỗi chức danh bố trí một người, riêng chức danh Phó Chủ tịch UBND xã bố trí 02 người theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

+ Công chức 12 người.

- Xã loại II: 21 người, trong đó:

+ Cán bộ 10 người, bố trí một người kiêm nhiệm chức danh Bí thư Đảng ủy – Chủ tịch HĐND hoặc Phó Bí thư Đảng ủy – Chủ tịch HĐND, các chức danh còn lại mỗi chức danh bố trí một người.

+ Công chức 11 người.

- Xã loại III: 19 người, trong đó:

+ Cán bộ 10 người, bố trí một người kiêm nhiệm chức danh Bí thư Đảng ủy – Chủ tịch HĐND hoặc Phó Bí thư Đảng ủy – Chủ tịch HĐND, các chức danh còn lại mỗi chức danh bố trí một người.

+ Công chức 09 người.

* Nếu xã được bố trí Công an chính quy đảm nhận chức danh Trưởng Công an xã, thì số lượng công chức giảm 01 người.

2. Ở Phường, thị trấn:

- Phường, thị trấn loại I: 22 người, trong đó:

+ Cán bộ 11 người, bố trí một người kiêm nhiệm chức danh Bí thư Đảng ủy – Chủ tịch HĐND hoặc Phó Bí thư Đảng ủy – Chủ tịch HĐND, các chức danh còn lại mỗi chức danh bố trí một người, riêng chức danh Phó Chủ tịch UBND xã bố trí 02 người theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

+ Công chức 11 người (Giảm 01 người so với xã do bố trí Trưởng Công an chính quy).

- Phường, thị trấn loại II: 20 người, trong đó:

+ Cán bộ 10 người, bố trí một người kiêm nhiệm chức danh Bí thư Đảng ủy
– Chủ tịch HĐND hoặc Phó Bí thư Đảng ủy – Chủ tịch HĐND, các chức danh còn lại mỗi chức danh bố trí một người.

+ Công chức 10 người (Giảm 01 người so với xã do bố trí Trưởng Công an chính quy).

- Phường, thị trấn loại III: 18 người, trong đó:

+ Cán bộ 10 người, bố trí một người kiêm nhiệm chức danh Bí thư Đảng ủy
– Chủ tịch HĐND hoặc Phó Bí thư Đảng ủy – Chủ tịch HĐND, các chức danh còn lại mỗi chức danh bố trí một người.

+ Công chức 08 người (Giảm 01 người so với xã do bố trí Trưởng Công an chính quy).

(Có phụ lục chức danh cụ thể kèm theo).

Sơ sánh 02 phương án: Cả 02 phương án đều thực hiện đúng quy định số lượng cán bộ, công chức theo Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019, ưu điểm và hạn chế của từng phương án như sau:

+ Phương án 1: Ưu điểm là bố trí đủ mỗi chức danh cán bộ một người; khi thực hiện bố trí kiêm nhiệm chức danh Bí thư Đảng ủy kiêm Chủ tịch HĐND hoặc Phó Bí thư Đảng ủy kiêm Chủ tịch HĐND thì người được bố trí kiêm nhiệm được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm theo quy định; nhưng hạn chế là số lượng công chức ít hơn phương án 2 mỗi xã, phường, thị trấn 01 đến 02 người.


+ Phương án 2: Ưu điểm là số lượng công chức bố trí nhiều hơn so với phương án 1 mỗi xã, phường, thị trấn 01 đến 02 người, phân công đảm nhận hết các lĩnh vực công tác ở địa phương, giảm áp lực trong việc giải quyết công chức dôi dư do giảm số lượng cán bộ, công chức theo quy định của Nghị định số 34/2019/NĐ-CP của Chính phủ, nhưng hạn chế khi bố trí chức danh ghép Bí thư Đảng ủy - Chủ tịch HĐND, Bí thư Đảng ủy - Chủ tịch UBND hoặc Phó Bí thư Đảng ủy - Chủ tịch HĐND, thì người được bố trí kiêm nhiệm không được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm do không giảm được số lượng cán bộ theo quy định.

Trên đây là dự kiến bố trí số lượng, chức danh cán bộ, công chức cấp xã, kính đề nghị các cơ quan, địa phương tham gia góp ý và gửi ý kiến tham gia về Sở Nội vụ trước ngày 25/7/2019 để tổng hợp, trình UBND tỉnh quyết định giao số lượng, chức danh cán bộ, công chức cấp xã./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (đề b/c);
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, XDCQ&CTTN.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
SỞ
NỘI VỤ
TỈNH QUẢNG TRAM



Bùi Thị Hồng Phương

9	Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ	Theo quy định Điều lệ Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam và các văn bản liên quan	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
10	Chủ tịch Hội Nông dân	Theo quy định Điều lệ Hội Nông dân Việt Nam và các văn bản liên quan	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
11	Chủ tịch Hội Cựu chiến binh	Theo quy định Điều lệ Hội Cựu chiến binh Việt Nam và các văn bản liên quan	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
II	Chức danh công chức		11	10	8	10	9	7	10	9	7	
1	Chỉ huy trưởng Quân sự	Quốc phòng, quân sự.	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
2	Trưởng Công an	An ninh, trật tự, an toàn xã hội	1	1	1	0	0	0	0	0	0	0
3	Văn phòng - thống kê	Văn phòng, thống kê, tổ chức, nhân sự, thi đua, khen thưởng, kỷ luật, tín ngưỡng, tôn giáo, dân tộc và thanh niên	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
4	Địa chính - xây dựng- đô thị và môi trường (đối với Phường, thị trấn) hoặc Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường (đối với xã)	Đất đai, tài nguyên, môi trường, xây dựng, đô thị, giao thông, nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới	2	2	1	2	2	1	2	2	1	
5	Tài chính - kế toán	Tài chính, kế toán	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
6	Tư pháp - hộ tịch	Tư pháp và hộ tịch	2	1	1	2	1	1	2	1	1	
7	Văn hóa- xã hội	Văn hóa, thể dục thể thao, du lịch, thông tin, truyền thông, lao động, thương binh, xã hội, y tế, giáo dục	2	2	1	2	2	1	2	2	1	
TỔNG CỘNG			23	21	19	22	20	18	22	20	18	

Ghi chú: Đối với xã nếu bố trí Công an chính quy thì giảm xuống 01 người làm việc trong tổng số người dự kiến giao ở trên

8	Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ	Theo quy định Điều lệ Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam và các văn bản liên quan	1	1	1	1	1	1	1	1	1
9	Chủ tịch Hội Nông dân	Theo quy định Điều lệ Hội Nông dân Việt Nam và các văn bản liên quan	1	1	1	1	1	1	1	1	1
10	Chủ tịch Hội Cựu chiến binh	Theo quy định Điều lệ Hội Cựu chiến binh Việt Nam và các văn bản liên quan	1	1	1	1	1	1	1	1	1
II	Chức danh công chức		12	11	9	11	10	8	11	10	8
1	Chỉ huy trưởng Quân sự	Quốc phòng, quân sự.	1	1	1	1	1	1	1	1	1
2	Trưởng Công an	An ninh, trật tự, an toàn xã hội	1	1	1	0	0	0	0	0	0
3	Văn phòng - thông kê	Văn phòng, thông kê, tổ chức, nhân sự, thi đua, khen thưởng, kỷ luật, tín ngưỡng, tôn giáo, dân tộc và thanh niên	3	2	2	3	2	2	3	2	2
4	Địa chính - xây dựng- đô thị và môi trường (đối với Phường, thị trấn) hoặc Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường (đối với xã)	Đất đai, tài nguyên, môi trường, xây dựng, đô thị, giao thông, nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới	2	2	2	2	2	2	2	2	2
5	Tài chính - kế toán	Tài chính, kế toán	1	1	1	1	1	1	1	1	1
6	Tư pháp - hộ tịch	Tư pháp và hộ tịch	2	2	1	2	2	1	2	2	1
7	Văn hóa- xã hội	Văn hóa, thể dục thể thao, du lịch, thông tin, truyền thông, lao động, thương binh, xã hội, y tế, giáo dục	2	2	1	2	2	1	2	2	1
	TỔNG CỘNG		23	21	19	22	20	18	22	20	18

Ghi chú: - Đối với xã nếu bố trí Công an chính quy thì giảm xuống 01 người làm việc trong tổng số người dự kiến giao ở trên

- Nếu Bí thư Đảng ủy- Chủ tịch UBND, Phó Bí thư Đảng ủy- Chủ tịch HĐND sẽ giảm thêm 01 cán bộ thì bố trí chức danh gì của công chức.